

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
KHOA NGỮ VĂN**

**PHẠM NGỌC HIỀN (chủ biên)
NGUYỄN VĂN ĐÔNG – LÊ THỊ KIM ÚT**

GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC VIỆT NAM

GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
KHOA NGỮ VĂN

PHẠM NGỌC HIỀN (chủ biên)
NGUYỄN VĂN ĐÔNG – LÊ THỊ KIM ÚT

GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC VIỆT NAM

GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2015

MỤC LỤC

Chương 1: Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	3
1.1. Các chặng đường phát triển của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	3
1.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	19
<i>Câu hỏi thảo luận và ôn tập</i>	<i>32</i>
Chương 2: Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	34
2.1. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954.....	34
2.2. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1955 – 1964.....	57
2.3. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1965 – 1975.....	75
<i>Tác giả tiêu biểu</i>	
1. Tố Hữu	93
2. Chế Lan Viên.....	116
<i>Câu hỏi thảo luận và ôn tập</i>	<i>141</i>
Chương 3: Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	142
3.1. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954.....	141
3.2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1954 – 1964.....	151
3.3. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1965 – 1975.....	159
<i>Tác giả tiêu biểu</i>	
1. Tô Hoài.....	169
2. Nguyễn Khải.....	183
<i>Câu hỏi thảo luận và ôn tập</i>	<i>194</i>
Tài liệu tham khảo.....	195

Chương 1: KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

1.1. Các chặng đường phát triển của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975

1.1.1. Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

Đây là giai đoạn mở đầu của nền văn học cách mạng. Văn học chuyển mình sang quỹ đạo mới, nhiều giá trị còn đang định hình. Những yếu tố cũ vẫn còn tồn tại, những yếu tố mới nảy sinh và tìm chỗ đứng trong thời đại mới. Có thể chia văn học thời kỳ này thành ba giai đoạn như sau:

1.1.1.1. *Giai đoạn 1945 - 1946*

Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã tạo ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc. Nó chấm dứt sự tồn tại của chế độ thực dân, phong kiến. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thực hiện nhiều chính sách thiết thực: diệt giặc đói, giặc dốt, thiết lập nền hành chính các cấp và ban hành hiến pháp mới. Một nền văn hóa mới cũng từng bước được xây dựng.

Một không khí dân chủ tràn ngập khắp non sông và hầu như mọi người đều thấy mình phải có trách nhiệm đóng góp cho chế độ mới. Trong chính phủ liên hiệp của Hồ Chí Minh ở Hà Nội, người ta thấy sự có mặt của nhiều nhà văn nổi tiếng như Cù Huy Cận, Đặng Thai Mai, Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo... Mặc dù mỗi người có một quan điểm khác nhau nhưng đều hướng tới công cuộc xây dựng một nền văn hóa mới.

Chữ quốc ngữ được dùng làm văn tự hành chính quốc gia và là ngôn ngữ giảng dạy chính thức trong nhà trường. Phong trào bình dân học vụ được phát triển rộng khắp, hệ thống trường học được mở rộng đến khắp các xã. Nhờ Chính phủ coi trọng công tác tuyên truyền nên hệ thống báo chí, đài phát thanh ngày càng phổ biến ở nông thôn.

Nói đến phong trào cải cách văn hóa nước nhà, phải kể đến vai trò của Hội Văn hóa Cứu quốc. Hội đã ra mắt tạp chí Tiên Phong, tổng cộng 24 số. Ban biên tập gồm nhiều nhà văn nổi tiếng như: Hải Triều, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Nguyễn

Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Kim Lân, Xuân Diệu, Học Phi, Thâm Tâm, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Trần Huyền Trân... Ngoài các mục tin tức, bình luận thời sự chính trị, xã hội, tạp chí còn có mục đăng các sáng tác văn học nghệ thuật, bình luận, giới thiệu sách mới...

Đây cũng là giai đoạn diễn ra nhiều cuộc tranh luận gay gắt về văn hóa nghệ thuật. Năm 1946, có cuộc tranh luận giữa nhóm Marxist và nhóm Trotskis về *Đề cương văn hóa* do Đảng Cộng sản công bố từ năm 1943. Các khuynh hướng văn học, các quan niệm nghệ thuật cũng có dịp va chạm nhau. Các cuộc tranh luận đó diễn ra trong các buổi diễn thuyết, hội thảo về văn hóa nghệ thuật. Có khi, diễn ra các cuộc bút chiến trên báo chí, tập trung ở báo Tiên Phong, Chính nghĩa, Ngày nay... Tại Hà Nội lúc bấy giờ, còn có một số báo thường đăng các bài bút chiến văn nghệ như: Văn mới, Thiếu sinh, tập Văn hóa và cách mạng...

Sau khi chiếm xong Nam Bộ, đầu năm 1946, Pháp tiến quân ra Nam Trung Bộ. Chính phủ kêu gọi thanh niên gia nhập đoàn quân Nam tiến. Nhiều văn nghệ sĩ cũng có mặt trong đoàn quân này: Tô Hoài, Hoài Thanh, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Trần Mai Ninh, Hữu Loan... Nhiều bài ký nóng hổi lửa chiến trường đã được đăng tải trên báo chí Hà Nội, giúp nhân dân miền Bắc hiểu thêm tình hình chiến sự và văn hóa miền Trung.

Ngày 24 - 11 - 1946, trong khi tiếng súng kháng Pháp đang râm ran ở Hải Phòng và nhiều tỉnh lân cận thì Hội nghị Văn hóa toàn quốc được khai mạc tại Hà Nội. Hội nghị đã xác định một số mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ mới. Một trong những thành công lớn của Hội nghị là tập hợp được nhiều thành phần trí thức văn nghệ sĩ khác nhau, hướng họ đến mục tiêu chung.

Các khuynh hướng văn học cũ vẫn tiếp tục tồn tại theo quán tính. Khuynh hướng lãng mạn vẫn còn nhưng không giữ vai trò chủ lưu nữa và có phần lạc điệu. Khuynh hướng tả chân vẫn phát triển mạnh trên cảm hứng mới, tố cáo chế độ cũ, ca

ngợi chế độ mới. Trước đây, khuynh hướng văn học cách mạng không có điều kiện phát triển. Nay, nó được phát triển công khai và đang vươn lên địa vị chủ lưu.

Trong hai năm 1945 - 1946, trung tâm văn học nằm ở Hà Nội và chỉ hoạt động ở đây trong 16 tháng (từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946). Đó là một thời kỳ sôi động và có nhiều kỷ niệm khó quên. Nói như Xuân Diệu: “*Cái thuở ban đầu Dân quốc ấy / Nghìn năm chưa dễ đã ai quên*”... Chỉ trong một thời gian ngắn, các nhà văn đã nhanh chóng kết thành một đội ngũ đông đảo và chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ.

1.1.1.2. Giai đoạn 1947 - 1950

Cuối năm 1946, các văn nghệ sĩ từ biệt thủ đô hoa lệ để làm cuộc “dấn thân” vào môi trường mới đầy khó khăn, nguy hiểm. Đa số các văn nghệ sĩ xuất thân từ tầng lớp trung lưu, chưa quen cuộc sống lao động ở rừng núi và nông thôn. Họ phải chấp nhận một sự “nhập cuộc”, “lột xác” để biến thành con người mới, thích nghi với đời sống kháng chiến gian khổ. Đây cũng là thời kỳ “nhận đường” của các văn nghệ sĩ Tiền chiến.

Chính phủ Việt Minh đề ra các khẩu hiệu: “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”. Hồ Chủ Tịch nhắc nhở: “Văn hóa văn nghệ cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”. Trường Chinh đề ra luận văn “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” để hướng văn nghệ sĩ đi vào quỹ đạo văn hóa XHCN. Ông nêu lên các mục tiêu cơ bản của nền nghệ thuật mới là: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Tố Hữu cũng đề ra phương châm “Xây dựng nền văn nghệ nhân dân”, hướng tới phục vụ công - nông - binh.

Trong thời gian này, tại Việt Bắc, có các hoạt động văn nghệ sau: Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (7 - 1948), Hội nghị Văn nghệ toàn quốc (7 - 1948), Hội nghị văn nghệ bộ đội (4 - 1949), Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc (9 - 1949), Hội nghị Văn hóa, văn nghệ Việt Bắc (tháng 7, 8 - 1950), Hội nghị tranh luận về sân khấu (1950)... Ngoài ra, ở các địa phương, ban ngành cũng diễn ra nhiều hội nghị văn

nghệ, báo chí tuyên truyền để xác lập nhiệm vụ của các trí thức văn nghệ sĩ trong thời kỳ mới.

Năm 1948, Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập, do Nguyễn Tuân làm Tổng thư ký. Ông tuyên bố “lột xác”, đoạn tuyệt với di sản sản cũ để góp phần xây dựng một nền văn học mới. Sau một thời gian bần khoản “nhận đường”, đến năm 1949, Nguyễn Đình Thi cùng nhiều văn nghệ sĩ khác hăng hái tòng quân. Họ gia nhập các đơn vị bộ đội, làm công tác tuyên truyền, viết báo, sáng tác và biểu diễn nghệ thuật... Chuyển thực tế này giúp các văn nghệ sĩ có thêm nhiều chất liệu sáng tác và có điều kiện hòa mình cùng với quần chúng và bộ đội.

Mặc dù hoạt động trong điều kiện khó khăn nhưng báo chí cách mạng vẫn tồn tại và phát triển. Có thể kể ra một số tờ báo có đăng các sáng tác, tin tức, bình luận về nghệ thuật như: Sự thật, Cứu quốc, Độc lập, Sao vàng, Văn nghệ, Phụ nữ, Lao động, Tiền phong, Thông tấn xã, Đài tiếng nói Việt Nam.... Các liên khu cũng có nhà in, các đơn vị bộ đội cũng có tờ tin riêng.

Trong thời kỳ này, văn học rất đa dạng về cảm hứng thẩm mỹ. Phong vị lãng mạn vẫn còn. Ta vẫn còn bắt gặp những chiến binh dùng cảm ngang tàng và hào hoa mơ mộng. Cách diễn đạt lên gân, dùng nhiều từ ngữ cổ kính... Bên cạnh đó, cảm hứng mới đang hình thành. Nhiều tác phẩm đã dựng lên chân dung bình dị của các chiến sĩ xuất thân từ nhân dân lao động. Họ biết gác bỏ tình riêng để lo việc nước. Hình thức diễn đạt dễ hiểu, gần gũi với lời ăn tiếng nói nhân dân.

1.1.1.3. Giai đoạn 1951 - 1954

Năm 1950, chính phủ Việt Minh mở chiến dịch Biên giới Thu Đông và khai thông với Trung Quốc. Năm 1951, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức đại hội lần thứ hai, vạch ra những mục tiêu chiến lược mới. Chính phủ chủ trương đường lối văn hóa vô sản, theo mô hình văn nghệ các nước XHCN. Từ đây, các văn nghệ sĩ đã có một hướng đi rõ ràng, nhất quán, không còn phân tán tư tưởng như giai đoạn trước.

Sau 5 năm hòa nhập vào đời sống kháng chiến, các văn nghệ sĩ trưởng thành hơn trước rất nhiều. Một đội ngũ văn nghệ sĩ mới được hình thành, lấp đầy khoảng trống các văn nghệ sĩ hy sinh hoặc “đình tê” về thành. Các văn nghệ sĩ kháng chiến đã tập hợp thành một tổ chức chung khá chặt chẽ và tương đối thống nhất về tư tưởng sáng tác.

Trong giai đoạn này, văn học đã giảm bớt âm hưởng Tiền chiến. Thơ ca tập trung vào các chủ đề chính: ca ngợi anh bộ đội cụ Hồ, các tấm gương điển hình trong nông dân. Ngoài đề tài chiến đấu và lao động sản xuất, nay còn có thêm đề tài giảm tô và cải cách ruộng đất. Hình thức tăng cường tính dân tộc và đại chúng, tránh được tình trạng lai căng, bí hiểm và xa rời cuộc sống. Truyện dài đã xuất hiện nhưng chưa có những bộ tiểu thuyết có dung lượng lớn.

Mặc dù phát triển trong hoàn cảnh khó khăn nhưng những tác phẩm văn học từ Liên Xô, Trung Quốc cũng được phổ biến trong vùng kháng chiến. Trong giai đoạn 1946 - 1954, bạn đọc Việt Nam được biết đến các tác phẩm văn học Liên Xô như: bài thơ *Đội anh về*, bộ phim *Đội cận vệ thanh niên*, kịch *Vấn đề Nga* và các tiểu thuyết: *Tỉnh ủy bí mật*, *Suối thép*, *Sapaev*, *Chiến bại*, *Thép đã tôi thế ấy*, *Những người Xô-viết chúng tôi*, *Những người bất khuất*, *Bão táp*, *Thời gian ủng hộ chúng ta*, *Con người chân chính*, *Ngày và đêm ở Xtalingrad*, *Thanh vệ*, *Ngôi sao ...* Ở miền Trung, Nguyễn Thành Long viết *Kể một số tiểu thuyết Liên Xô*. Ở miền Nam, tạp chí Việt Xô do Trần Bạch Đằng làm chủ bút cũng góp phần phổ biến văn hóa Xô viết.

Các tác phẩm văn học cách mạng Trung Quốc cũng được giới thiệu ở Việt Nam, góp phần định hướng sáng tác cho các văn nghệ sĩ. Từ sau năm 1951, bạn đọc Việt Nam được biết tới các bản dịch: *Trời hừng*, *Trước lửa chiến đấu*, *Chiến sĩ chân chính* *Đổng Tồn Thụy*, *Chiến sĩ và Tổ quốc*, *Chuyện về và bản thảo Lý Hữu Tài*, *Truyện Lưu Hồ Lan*, *Vương Quý và Lý Hương Giang ...* Năm 1953, Trung ương Cục Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tổ chức “Tháng hữu nghị Việt - Xô - Trung” với hình thức triển lãm, chiếu bóng, diễn thuyết...

Trong kháng chiến chống Pháp, kịch quần chúng phát triển mạnh. Các địa phương đều có phong trào tự biên, tự diễn. Từ năm 1948, đoàn sân khấu Việt Nam ra đời tại Việt Bắc. Sau đó, các đoàn kịch khác lần lượt ra đời: Chiến Thắng, Quân Tiên phong, Vui sống, Thiếu sinh quân... Năm 1952, đoàn văn công trung ương được thành lập, gồm hai ban: kịch nói và chèo. Ở khu Năm có thêm hát bội, ca kịch bài chòi, Nam Bộ có cải lương. Trong nhiều buổi diễn còn có lồng ghép ca múa nhạc và phát biểu tuyên truyền đường lối chính sách của cách mạng.

Kịch kháng chiến chống Pháp thường hướng về các đề tài thời sự. Nó có tác dụng động viên quần chúng tham gia ủng hộ cách mạng, cổ vũ tinh thần chiến đấu của chiến sĩ. Các vở kịch tiêu biểu: *Bắc Sơn*, *Những người ở lại* (Nguyễn Huy Tưởng), *Chi Hòa* (Học Phi), *Trở về* (Đoàn Phú Tứ), *Tin chiến thắng Nghĩa Lộ* (Thế Lữ), *Ơn bộ đội cụ Hồ* (Hoàng Tích Linh), *Du kích thôn Đồi* (Lộng Chương), *Áo chiến sĩ* (Hoàng Như Mai), *Trên nớ* (Bửu Tiển), *Lòng dân* (Nguyễn Văn Xe), *Quán Thắng Long* (Lưu Quang Thuận)...

Để tìm kiếm các cây bút mới, Chính phủ đã tổ chức nhiều cuộc thi văn nghệ từ trung ương đến địa phương, từ Bắc vào Nam. Có thể kể ra một số cuộc thi tiêu biểu như sau:

Giải thưởng Văn nghệ 1951 - 1952

A. Văn xuôi

Giải Nhất:

- *Vùng mỏ* (tiểu thuyết của Võ Huy Tâm),

Giải Nhì:

- *Trận Thanh Hương* (ký sự của Nguyễn Khắc Thứ),

- *Xung kích* (tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi),

Giải Ba:

- *Con đường sống* (truyện ngắn của Minh Lộc),

- *Chiến thắng Cao Lạng* (ký sự của Nguyễn Huy Tưởng)

Giải khuyến khích:

- *Đánh trận giặc lúa* (truyện ngắn của Bùi Hiến),
- *Xây dựng* (truyện của Nguyễn Khải),
- *Ông Cốc* (truyện của Nguyễn Khắc Mẫn)

B. Thơ

Giải nhất:

- Toàn bộ thơ ca kháng chiến của Tú Mỡ

Giải Nhì:

- Tập thơ của Nông Quốc Chấn

Giải Ba:

- Tập thơ của Bàn Tài Đoàn

Khuyến khích:

- *Hai Tộ hò khoan* (Trần Hữu Thung)
- *Các bài độc tấu* (Thanh Tịnh)
- *Từ đêm 19* (Khương Hữu Dụng)

C. Kịch

Giải Nhất và Nhì: không có

Giải Ba:

- *Chị Bắc giác ngộ* (Nguyễn Khắc Dực)
- *Bão chuyển* (Vũ Lăng)

Giải Khuyến khích

- *Tin chiến thắng Nghĩa Lộ* (Đoàn văn công Nha truyền truyền và văn nghệ)
- *Quách Thị Tước* (Ngô Tất Tố)

D. Dịch

Giải Nhất và Nhì: không có

Giải Ba

- Các bản dịch về kịch của Thế Lữ

- *Trời hừng và Trước lửa chiến đấu* (Ngô Tất Tố dịch)

Giải thưởng Văn nghệ 1954 - 1955

A. Văn xuôi

Truyện

Giải Nhất:

- *Đất nước đứng lên* (tiểu thuyết của Nguyên Ngọc),
- *Truyện Tây Bắc* (tập truyện của Tô Hoài).

Giải Nhì:

- *Truyện anh Lục* (truyện của Nguyễn Huy Tưởng),
- *Con trâu* (tiểu thuyết của Nguyễn Văn Bổng),

Giải Ba:

- *Cái lu* (truyện ngắn của Trần Kim Trắc).

Giải khuyến khích:

- *Đồng quê hoa nở* (truyện của Hoàng Trung Nho),
- *Gặp gỡ* (truyện ngắn của Bùi Hiên),
- *Cá bống mú* (tiểu thuyết của Đoàn Giỏi)

Ký

Giải Nhất và Nhì: không có

Giải Ba

- *Lên công trường* (Hồng Hà)
- *Nam Bộ mến yêu* (Hoài Thanh)

Giải Khuyến khích

- *Đường lên Châu Thuận* (Quang Dũng)
- *Trại di cư Pagốt Hải Phòng* (Sao Mai)
- *Lòng mẹ* (Bích Thuận)

B. Thơ

Giải Nhất:

- *Việt Bắc* (Tố Hữu)

Giải Nhì:

- *Đồng tháng Tám, Dặn con* (Trần Hữu Thung)

- *Ngôi sao* (Xuân Diệu)

- *Nụ cười chính nghĩa* (Tú Mỡ)

Giải Ba:

- *Thơ chiến sĩ* (Hồ Khải Đại)

Giải khuyến khích

- *Thơ, ca dao về Nam Bộ kháng chiến* của Nguyễn Hiêm

- *Chú Hai Neo* (Nguyễn Hải Trường)

- *Chiếc vai cày* (ca dao của Việt Dung)

- *Anh Ba Thắng* (Việt Ánh)

C. Kịch

Giải Nhất: không có

Giải Nhì:

- *Lửa cháy lên rồi* (Phan Vũ)

Giải Ba:

- *Mở nóng gang* (Nguyễn Khắc Dực)

- *Chị Hòa* (Học Phi)

- *Lòng dân* (Nguyễn Văn Xe)

- *Ánh sáng Hà Nội* (Hoàng Tích Linh)

- *Việt ơi !* (Bửu Tiến)

Giải Khuyến khích:

- *Chiến đấu trong lòng địch* (Lộng Chương)

- *Hai thái độ* (Bàng Sĩ Nguyên)

- *Cai Tô* (Nguyễn Văn Thương)

D. Dịch

Giải Nhất: không có

Giải Nhì:

- *Chiến sĩ chân chính Đồng Tồn Thụy* (Lê Văn Cơ dịch)
- *Chiến sĩ và Tổ quốc, Chuyện về Lý Hữu Tài* (Đào Vũ dịch)
- *Lưu Hồ Lan* (Phan Sinh dịch)

Giải Ba

- *Bản thoại Lý Hữu Tài* (Xích Liên dịch)
- *Vichia Mêlêép* (Hiệu đoàn Sư phạm trung cấp dịch)
- *Vương Quý và Lý Hương Giang* (Hoàng Trung Thông dịch)

(Giải thưởng được công bố vào đầu năm 1956 nên có tính cả một số tác phẩm sáng tác sau chiến thắng Điện Biên Phủ, một số truyện còn là bản thảo chưa in ấn)

Giải thưởng Văn nghệ Lê Thanh Nghị (liên khu III) (1951)

- Trao giải cho truyện *Xây dựng* (Nguyễn Khải)

Giải thưởng Văn nghệ liên khu Bốn (1951)

- Tặng giải Nhất cho truyện *Bên đường 12* (Vũ Tú Nam)

Giải thưởng Văn nghệ Phạm Văn Đồng (Liên khu V)

Năm 1951:

- *Tập thơ của người lính* (Lưu Trùng Dương)

Năm 1952:

- Thơ: Giải Nhất: *Nhân dân một lòng* (Tế Hanh)
- Truyện: Giải Nhì (không có Nhất): *Con trâu* (Nguyễn Văn Bổng)
- Kịch: Giải Ba (không có Nhất và Nhì): *Chị Ngộ* (tuồng hát bội của Nguyễn Lai)

Giải thưởng Văn nghệ Cửu Long (1949 - 1950)

A. Văn xuôi:

- Giải Nhất: *Con đường sống và Anh Tư dân quân* (các truyện ngắn của Minh Lộc)
- Giải Nhì: không có

- Giải Ba: *Lòng dân* (tập truyện ngắn của Phạm Hữu Tùng)
- Giải khuyến khích: Những tập truyện của Phạm Anh Tài, Hoàng Linh, Linh

Ngã

B. Thơ:

Giải Nhất: không có

Giải Nhì:

- *Bức thơ tình* (tập thơ lục bát của Ba Dân)

Giải Ba:

- Một số bài trong tập *Chiến dịch mùa xuân* (do Nguyễn Bính, Việt Ánh, Dân Thanh, Truy Phong... sưu tầm)

- Một số bài trong tập *Hương đồng nội* (Nguyễn Ngọc Tấn)

Giải khuyến khích:

- Một số bài trong tập *Hồ lò thi đua* (Nguyễn Quốc Nhân)
- Một số bài thơ của Huy Hà, Bảo Định Giang, Dương Phong, Lý Dũng Tân,

Phương Viễn

C. Kịch

Giải Nhất: không có

Giải Nhì: *Vì dân* (Lê Minh)

Giải Ba:

- *Chiều ba mươi Tết* (Hoàng Tuyển)
- *Quyết rửa thù* (Phạm Công Minh)

Giải Khuyến khích:

- *Giờ tôi mới hiểu* (Duy Phương)

Tặng thưởng tác giả:

Tặng thưởng cho các tác giả có công lao với kháng chiến và văn nghệ: thi sĩ Việt Ánh, họa sĩ Huỳnh Văn Gấm, dịch giả Xích Liên, họa sĩ Nguyễn Cao Thương, nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Bạch.

Giải Văn nghệ Cửu Long (1951 - 1952)

Văn xuôi

Giải Nhất: *Bên rừng Cù Lao Dung* (truyện của Phạm Anh Tài)

Giải Ba: *Biển động* (tập truyện ngắn của Bùi Đức Ái)

Thơ

Giải Nhất thơ: *Anh Ba Thắng* (tập thơ của Việt Ánh)

Giải thưởng Văn Nghệ Cửu Long (1953 - 1954)

Giải Nhất: *Vỡ đất* (truyện của Hoàng Văn Bôn)

Giải Nhì: *Tây đầu đỏ* (ký sự của Phạm Anh Tài)

1.1.2. Văn học Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964

1.1.2.1. Giai đoạn 1955 - 1960

Sau hiệp định Geneve, quân đội của Pháp và chính phủ Bảo Đại rút quân khỏi miền Bắc. Cuối năm 1954, chính phủ Việt Minh tiếp quản Hà Nội nhưng đến tháng 5 / 1955 mới làm chủ toàn bộ miền Bắc. Những năm đầu hòa bình, Chính phủ lo hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, chuẩn bị những tiền đề cần thiết để từng bước tiến lên CNXH.

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và có ảnh hưởng đến Việt Nam. Đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa xét lại ở Liên Xô và phong trào Trăm hoa đua nở ở Trung Quốc. Ở Việt Nam trong những năm 1955 - 1957, nhóm Nhân văn - Giai phẩm đòi “văn nghệ độc lập với chính trị”. Đến tháng 6 năm 1958, phong trào này bị tan rã, nhiều văn nghệ sĩ ngừng sáng tác trong một thời gian dài như: Phan Khôi, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Lê Đạt, Phùng Quán, Nguyễn Bính, Quang Dũng, Trần Dần, Văn Cao...

Các cơ quan văn hóa, nghệ thuật được sắp xếp lại và đặt dưới sự quản lý chung của Chính phủ. Các tờ báo và nhà xuất bản tư nhân bị giải tán hoặc sáp nhập vào các cơ quan văn hóa của nhà nước. Hệ thống báo chí phát triển rộng khắp từ trung ương

đến địa phương. Hầu như ngành nào cũng có báo chí, tờ tin. Những tờ báo, tạp chí có đăng sáng tác và phê bình văn học là: Văn nghệ, Văn học, Học tập, Quân đội nhân dân, Văn Sử Địa... Các nhà xuất bản có in sách văn học là: Văn nghệ, Hội Nhà văn, Thanh niên, Lao động, Quân đội nhân dân, Phụ nữ, Phổ thông, Giải phóng, Giáo dục, Kim Đồng...

Năm 1957, nhiều tổ chức văn hóa nghệ thuật được thành lập ở cả 2 miền Nam Bắc. Ở miền Nam, Hội Văn bút Việt Nam được thành lập do nhà văn Nhất Linh làm chủ tịch. Ở miền Bắc, Hội Nhà văn Việt Nam được thành lập do nhà văn Nguyễn Công Hoan làm chủ tịch. Hội đã tập hợp được nhiều thành phần văn nghệ sĩ: từ chiến khu Việt Bắc về, từ trong Nam ra, và có cả những văn nghệ sĩ hoạt động ở đô thị miền Bắc thời Pháp tạm chiếm. Nhiều người đứng trước băn khoăn về đường hướng sáng tác trong tình hình mới. Có thể xem đây là giai đoạn nhận đường lần thứ hai của các văn nghệ sĩ.

Để giải quyết vướng mắc của các văn nghệ sĩ, năm 1957, Chính phủ đã tổ chức đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II. Đến năm 1958, hội nghị Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam xác định rõ đường lối của văn hóa Việt Nam. Văn nghệ Việt Nam sẽ lấy công - nông - binh làm đối tượng phục vụ, sáng tác theo phương pháp hiện thực XHCN. Từ đây, các văn nghệ sĩ đã nắm được đường lối văn nghệ của Đảng trong thời kỳ hòa bình.

Trong thời kỳ này, các văn nghệ sĩ cũng tham gia, cổ vũ kịp thời các phong trào do Chính phủ phát động như: cải cách ruộng đất (1955 - 1956), phát động thanh niên đi xây dựng kinh tế mới (1958 - 1960), cải tạo công thương nghiệp, xây dựng đời sống văn hóa mới ở nông thôn, xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến, tư bản... Các văn nghệ sĩ lại lên đường thâm nhập thực tế cuộc sống mới. Họ về nông thôn viết về đời sống mới của nông dân, theo các ngư dân ra biển, tìm hiểu đời sống công nhân trong các xí nghiệp, hầm mỏ... Họ đến “ba cùng” với đồng bào dân tộc thiểu số, tìm hiểu công cuộc khai hoang ở Tây Bắc. Nói chung, ở đâu Đảng cần người, ở đó văn nghệ sĩ có mặt.

1.1.2.2. Giai đoạn 1961 - 1964

Năm 1960, đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã xác định rõ các mục tiêu: về chính trị, kiên quyết đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Về kinh tế, miền Bắc sẽ đi theo mô hình kinh tế tập trung của Liên Xô, Trung Quốc. Chính phủ bắt đầu phát động kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Kể từ đây, miền Bắc Việt Nam chính thức hòa nhập vào quỹ đạo phe XHCN.

Chủ nghĩa Marx - Lenin và tư tưởng Mao Trạch Đông trở thành kim chỉ nam cho văn hóa Việt Nam. Các văn sĩ được học tập đường lối văn nghệ của Chính phủ trong giai đoạn cách mạng mới. Phương pháp sáng tác hiện thực XHCN bắt đầu triển khai rộng khắp. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều văn nghệ sĩ chưa quán triệt đầy đủ các nguyên tắc của nó. Vì vậy, vẫn còn số tác phẩm bị phê bình, uốn nắn. Đời sống phê bình văn học giai đoạn này khá sôi động.

Văn học giai đoạn này rất đa dạng về đề tài và cảm hứng thẩm mỹ. Đề tài phê phán xã hội cũ, ôn lại cuộc kháng chiến chống Pháp vẫn được nhiều nhà văn quan tâm. Nhưng đề tài “thời thượng” lúc bấy giờ là viết về công cuộc hợp tác hóa nông thôn. Các nhà văn Tiền chiến bắt đầu sáng tác sung sức trở lại. Thể loại tiểu thuyết sử thi xuất hiện.

Sau năm 1955, văn học dịch tiến thêm một bước mới và mang tính chuyên nghiệp hơn trước. Đội ngũ dịch giả tiếng Nga ngày càng nhiều. Từ năm 1954 đến 1967, có khoảng 300 tác phẩm văn học Nga - Xô-viết được giới thiệu ở miền Bắc Việt Nam. Độc giả Việt Nam đã khá quen thuộc các tên tuổi như: Puskin, Maiacovski, Korelenko, Xantưcov, Pauxtovxki, Bondarev, Raxputin, Đumbatde... Nhiều tác phẩm có ảnh hưởng lớn ở Việt Nam như: *Chiến tranh và hòa bình* (L. Tolstoi), *Người mẹ*, bộ ba *Tự truyện* (Gorki), *Sông Đông êm đềm*, *Đất vỡ hoang* và *Số phận con người* (Solokhov)... Nhiều hình tượng anh hùng trong văn học Xô viết cũng trở thành biểu tượng của thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ.

Văn học Trung Quốc vẫn tiếp tục phổ biến ở Việt Nam. Một đội ngũ dịch giả chuyên nghiệp ra đời. Phan Ngọc chuyên dịch văn học trung đại, Trương Chính, Đào Vũ chuyên dịch văn học hiện đại. Nhiều tác phẩm, tác giả lớn trong văn học cách mạng Trung Quốc trở nên quen thuộc với độc giả Việt Nam như: *Chiến sĩ và Tổ quốc* (Ngụy Ngụy), *Thượng Cam Lĩnh* (Lục Trụ Quốc), *Bài ca tuổi trẻ* (Dương Mạt), *Sự biến đổi ở Lý gia trang* (Triệu Thụ Lý), *Trời hừng* (Vương Lực), *Bạch Mao Nữ* (Tạ Tấn)... Ngoài ra, còn có nhiều tác phẩm văn học Âu - Mỹ cũng được giới thiệu ở Việt Nam.

Ở mảng văn học kịch, một số tác phẩm từ thời kháng chiến chống Pháp vẫn được diễn lại với diễn viên và sân khấu mới. Số lượng tác phẩm kịch hình thành trong 10 năm hòa bình không nhiều. Ở những vở viết về đề tài xây dựng cuộc sống mới, xung đột kịch yếu do nhiều người quan niệm xã hội mới không còn đấu tranh giai cấp. Có thể kể ra một số vở kịch tiêu biểu của thời kỳ này như: *Quần* (Lộng Chương), *Đầu sóng ngọn gió* (Nguyễn Hùng), *Bão biển* (Vương Lan), *Một đảng viên* (Học Phi), *Lại xin vào tổ* (Trần Vượng), *Rổ cá chim* (Huỳnh Chinh)... Những tác phẩm giàu tính xung đột thường viết về đề tài miền Nam như: *Trước giờ chiến thắng*, *Chị Nhàn*, *Nổi gió* (Đào Hồng Cẩm), *Ngọn lửa* (Nguyễn Vũ), *Đây Phú Lợi* (Bửu Tiến), *Viên quân trưởng* (Chu Nghi), *Gieo gió gặt bão* (Nguyễn Vượng), *Cơ sở trắng* (Hoài Giao)...

1.1.3. Văn học Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ, tình hình chiến sự Việt Nam nóng dần lên. Mỹ đưa quân vào miền Nam và leo thang ném bom miền Bắc. Cả nước lại bước vào thời kỳ chiến tranh. Các văn nghệ sĩ lại tiếp tục lên đường đi thực tế sáng tác ở những nơi có chiến tuyến ác liệt, đặc biệt là Quảng Bình, Trường Sơn... Những trang viết của họ có tính thời sự cao, nóng hổi lửa chiến trường, có tác dụng cổ vũ chiến đấu. Một số văn nghệ sĩ bí mật vào Nam như: Bùi Minh Quốc, Dương Thị Xuân Quý, Hồ Phương, Nguyễn Minh Châu, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Duy... Đa số những nhà văn này thuộc diện “B ngăn”, đi thực tế ngăn ngày trong Nam, chủ yếu ở chiến trường Trị - Thiên.

Đề tài xây dựng CNXH cũng tiếp tục được sáng tác. Nhưng đa số tác phẩm không còn nhắc đến những vấn đề phức tạp, gai góc của cuộc sống. Đề tài chiến tranh cách mạng và cảm hứng anh hùng ca giữ vai trò chủ đạo. Nền văn học cách mạng giai đoạn này khá thuần nhất về tư tưởng thẩm mỹ. Nhiều nhân vật văn học trở thành hình mẫu để học sinh, bộ đội và các tầng lớp nhân dân học tập, làm theo, như anh hùng Núp, chị Trần Thị Lý, anh Nguyễn Văn Trỗi, chị Út Tịch, chị Tư Hậu... Nhà nước phát động các phong trào viết về người tốt việc tốt, noi gương các anh hùng cách mạng. Nhờ vậy, tác phẩm văn học có điều kiện phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp xã hội.

Trong thời kỳ này, văn học cách mạng Việt Nam chia làm hai bộ phận: văn học giải phóng miền Nam và văn học miền Bắc. Sự phân chia này chỉ dựa không gian văn học, còn tính chất của chúng vẫn giống nhau.

Từ năm 1961, một số nhà văn tập kết đã bí mật quay trở lại miền Nam để xây dựng nền văn nghệ giải phóng. Họ thành lập Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam (1961), cơ quan chính đóng ở Tây Ninh. Chủ tịch Hội là soạn giả cải lương Trần Hữu Trang, phó Chủ tịch là nhà văn Trần Hiếu Minh. Cơ quan ngôn luận của Hội là tờ Văn nghệ quân giải phóng. Ở Quảng Nam cũng có tờ Văn nghệ quân giải phóng Trung Trung Bộ do Nguyễn Trung Thành phụ trách. Ngoài ra còn có Nhà xuất bản Giải phóng đặt ở Hà Nội.

Hội Văn nghệ giải phóng tổ chức thành lập các đội văn công tuyên truyền, mở nhiều lớp tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ viết báo, viết văn. Hội cũng tổ chức nhiều cuộc thi, đáng chú ý nhất là giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu năm 1965. Nhiều tác phẩm “*Từ tuyến đầu Tổ quốc*” gửi ra Bắc in ấn, lưu hành, được công chúng đón nhận nồng nhiệt.

Các văn nghệ sĩ miền Nam sống và sáng tác trong điều kiện thiếu thốn và luôn đối phó với bom đạn. Họ không chỉ là nhà văn mà cũng đồng thời là phóng viên chiến trường, cán bộ tuyên huấn, văn công, giao liên, chiến sĩ... Nhiều người đã hy sinh

như: Trần Hữu Trang, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Nguyễn Mỹ, Chu Cẩm Phong... Có những nhà văn - liệt sĩ vốn xuất hiện từ phong trào sinh viên đô thị như Lê Vĩnh Hòa, Trần Quang Long... Có những nhà văn gốc miền Bắc nhưng vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường miền Nam như: Nguyễn Trọng Định, Dương Thị Xuân Quý...

Văn học kịch giai đoạn này chủ yếu viết về đề tài chống Mỹ ở hai miền. Một số mô típ quen thuộc là: quyết tâm ra chiến trường, đoàn kết để chiến thắng... Hai nhà soạn kịch tiêu biểu của giai đoạn này là Nguyễn Vũ (*Đâu có giặc là ta cứ đi, Cùng quyết tiến bước...*) và Đào Hồng Cẩm (*Đại đội trưởng của tôi, Bước theo anh...*). Ngoài ra, còn có thể kể đến một số tác phẩm như: *Đôi mắt* (Vũ Dũng Minh), *Thời tiết ngày mai* (Xuân Trình), *Tình bạn* (Học Phi), *Đồng chí* (Chu Nghi), *Sẵn sàng, Đôi bạn* (Thanh Hương), *Đỉnh cao phía trước* (Tào Mạt), *Tiền tuyến gọi* (Trần Quán Anh), *Lửa hậu phương* (Kính Dân), *Anh Trỗi* (Lưu Trọng Lư) và các vở kịch của Tất Đạt, Hoài Giao, Hà Văn Cầu, Đình Quang, Vũ Khiêu, Vương Lan, Phạm Ngọc Truyền, Trần Vượng... ..

1.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975

1.2.1. Văn học có sự thống nhất cao, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Trong lịch sử văn học Việt Nam trước năm 1945, các văn nghệ sĩ chưa bao giờ hợp nhất thành một tổ chức chung đặt dưới sự lãnh đạo của chính quyền. Trong văn học giai đoạn 1930 - 1945 và trong văn học đô thị miền Nam cùng thời, các văn nghệ sĩ thường chia thành nhiều nhóm. Sự phân chia này xuất phát từ sự khác nhau về quan điểm thẩm mỹ, địa bàn sinh hoạt văn nghệ, quyền lợi kinh tế... Đôi lúc, có sự mâu thuẫn, dẫn đến các cuộc bút chiến trên báo chí giữa các trường phái, tổ chức văn học...

Việc tập hợp các văn nghệ sĩ vào một mặt trận chung cũng trải qua một quá trình lâu dài và khó khăn. Từ thời Mặt trận dân chủ (1936 - 1939), Đảng Cộng sản Đông Dương đã mở diễn đàn báo chí công khai lôi kéo những nhà văn cùng chí hướng với